

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 32 Cao đẳng cầu đường 7

Ngành : Xây dựng cầu đường

Năm học : 2009 - 2010

ĐVHT : 3

Hệ DT : Cao đẳng

Học Phần : Quy hoạch tuyến tính

Học Kỳ : 1

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3271010015	Trần Duy	Anh	24/02/1990	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
2	3271010020	Phan Lê Quốc	Bảo	15/10/1990	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
3	3271010023	Phan Văn	Bé	07/01/1990	6	5					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
4	3271010029	Lê Tấn	Bình	10/10/1990	7	7					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
5	3271010061	Đoàn Văn	Cường	1988	8	7					7.50	2.25	7.00	4.90	7	
6	3271010072	Nguyễn Văn	Diễn	14/03/1990	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
7	3271010073	Trần Xuân	Diệu	26/03/1989	8	6					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
8	3271010093	Hồ Ngọc	Dương	24/11/1989	9						9.00	2.70	4.00	2.80	6	Học lại
9	3271010104	Trương Gia	Đắc	06/06/1990	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
10	3271010109	Nguyễn Thành	Đạt	06/10/1989	7	7					7.00	2.10	8.00	5.60	8	
11	3271010131	Bùi Minh	Giang	27/02/1990	9						9.00	2.70	6.00	4.20	7	Học lại
12	3271010146	Nguyễn Xuân	Hào	15/05/1987	7	8					7.50	2.25	4.00	2.80	5	
13	3271010160	Võ Văn	Hiển	10/01/1989	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
14	3271010167	Nguyễn Văn	Hiếu	24/07/1990	7	5					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
15	3271010183	Cao Bảo	Hoàng	17/01/1989	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
16	3271010187	Lê Văn	Hoàng	12/02/1988	4	8					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
17	3271010201	Bùi Văn	Hùng	16/06/1987	8	6					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
18	3271010214	Trần Mạnh	Hùng	20/03/1989	8	6					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
19	3271010219	Nguyễn Văn	Huy	25/08/1990	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
20	3271010222	Nguyễn Chính	Hợp	05/05/1987	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
21	3271010238	Trần Văn	Khanh	19/12/1987	6	6					6.00	1.80	0.00	0.00	2	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3271010270	Nguyễn Văn	Liên	01/10/1989	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
23	3271010291	Phan Thành	Luân	25/12/1990	9	7					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
24	3271010294	Lê Trung	Luật	31/12/1987	5						5.00	1.50	4.00	2.80	4	Học lại
25	3271010314	Nguyễn Văn	Minh	10/09/1989	6	7					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
26	3271010322	Đặng Phương	Nam	20/05/1989	8	8					8.00	2.40	2.00	1.40	4	
27	3271010339	Ngô Văn	Ngọc	25/09/1990	5	7					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
28	3271010340	Đậu Hoàng	Ngọc	17/07/1988	7	6					6.50	1.95	3.00	2.10	4	
29	3271010366	Dương Văn	Phong	07/03/1988	5	7					6.00	1.80	2.00	1.40	3	
30	3271010384	Nguyễn Văn	Phương	15/05/1988	6	7					6.50	1.95	9.00	6.30	8	
31	3271010380	Nguyễn Thị	Phương	10/08/1990	8	7					7.50	2.25	5.00	3.50	6	
32	3271010388	Nguyễn	Quang	30/06/1989	6	7					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
33	3271010393	Trần Minh	Quang	20/01/1990	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
34	3271010423	Lê Thanh	Sang	23/10/1989	0	7					3.50	1.05	5.00	3.50	5	Học lại
35	3271010427	Lê Ngọc	Sĩ	19/04/1989	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
36	3271010430	Lê Quang	Sơn	25/09/1988	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	Học lại
37	3271010432	Nguyễn Ngọc	Sơn	04/01/1987	8	8					8.00	2.40	3.00	2.10	5	
38	3271010493	Phạm Quang	Thành	09/03/1989	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
39	3271010516	Lê Minh	Thông	07/05/1988	10						10.00	3.00	5.00	3.50	7	Học lại
40	3271010553	Phùng Văn	Toàn	02/08/1987	0	0					0.00	0.00	6.00	4.20	4	Học lại
41	3271010569	Huỳnh Công	Trí	09/10/1990	8	8					8.00	2.40	5.00	3.50	6	
42	3271010592	Nguyễn Văn	Trưng	24/02/1990	7	6					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
43	3271010593	Phạm Văn	Trương	28/06/1990	8	6					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
44	3271010594	Lữ Minh	Trưởng	16/07/1990	6	8					7.00	2.10	8.00	5.60	8	
45	3271010635	Hồ Quang	Văn	28/11/1988	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
46	3271010638	Hồ Anh	Việt	20/06/1988	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
47	3271010645	Trần Tuấn	Vinh	20/08/1990	8	5					6.50	1.95	4.00	2.80	5	

Tổng: 47.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	3	6.4
Khá	6	12.8

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	13	27.7
Trung bình	17	36.2
Không đạt	8	17.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa